

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 125/2024/HS-ST
Ngày: 09-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Kim Tiến;

Bà Lê Thị Xuân Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hiếu Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 113/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Võ Quốc B, tên gọi khác: không có, sinh ngày 05/11/2004 tại Long An. Nơi cư trú: Ấp N, xã P, huyện C, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Bá V, sinh năm 1975 (sống) và bà Lê Thị Tăng D, sinh năm 1975 (sống); bản thân chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/02/2024 cho đến nay, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Hồ Văn L, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Số H, Khu phố D, phường T, Quận A. Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Võ Chí T, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Số A, Đường số F, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

3. Nguyễn Anh T1, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Số A, N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

4. Nguyễn Thị Cẩm T2, sinh năm 2000.

Nơi thường trú: Ấp Nàng Rền, thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở: Ấp 5, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (vắng mặt)

5. Trần Ngọc L1, sinh năm 2001.

Nơi thường trú: Ấp Tiên Phong, xã Vĩnh Ty, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở: Ấp 5, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (vắng mặt)

6. Nguyễn Trần Phương L2, sinh năm 2000.

Nơi thường trú: Số 21, Lê Quang Chiêu, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: Ấp 5, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (vắng mặt)

7. Nguyễn Hoàng Kim Minh C, sinh năm 1998.

Nơi thường trú: Số 61/29 Tổ 3, Khu phố 5, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: Ấp 5, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (vắng mặt)

8. Phạm Văn T3, sinh năm 1990.

Chỗ ở: Ấp E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ, ngày 24/02/2024 tại quán K thuộc ấp E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Lúc này, gồm có Hồ Văn L, Nguyễn Anh T1, Võ Chí T và B1 (không xác định được nhân thân, lai lịch) đang hát Karaoke tại phòng V1, cả nhóm yêu cầu 04 nữ tiếp viên vào phục vụ gồm Nguyễn Thị Cẩm T2, Nguyễn Trần Phương L2, Trần Ngọc L1 và Nguyễn Hoàng Kim Minh C vào phòng để phục vụ, trong lúc cả nhóm đang hát Karaoke thì B1 đi đâu không rõ. Đến khoảng 23 giờ 40 phút cùng ngày, Võ Quốc B là nhân viên phục vụ tại quán K đi vào phòng Vip 5, B vừa vào phòng thì Công an tỉnh L kiểm tra hoạt động tại quán phát hiện B làm rơi 01 túi nylon rảnh khếp viền đỏ chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy xuống nền gạch trong phòng V1, tại đây Công an tiếp tục khám xét trên người B thì phát hiện trong túi quần bên phải có 01 túi nylon rảnh khếp

viên đỏ chứa tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy, loại Ketamine nên Công an tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Quá trình điều tra B khai nhận 02 túi nylon rảnh khếp viên đỏ bên trong chứa tinh thể màu trắng là chất ma túy, loại Ketamine Bảo mua của người thanh niên tên T4 (không xác định được nhân thân, lai lịch) với giá 4.000.000 đồng mang vào phòng Vip 5 để bán cho B 01 túi nylon rảnh khếp viên đỏ bên trong chứa tinh thể màu trắng là chất ma túy, loại Ketamine với giá 2.500.000 đồng, hưởng lợi 500.000 đồng trên một túi nylon ma túy, B chưa kịp giao dịch thì bị bắt giữ. Đối với 01 túi nylon rảnh khếp viên đỏ bên trong chứa tinh thể màu trắng là chất ma túy còn lại B cất giấu trong túi quần mục đích để bán.

Tại Kết luận giám định số 119/KL-KTHS ngày 29/02/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh L kết Luận:

"1. Túi niêm phong mã số NS4A 166812: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 túi nylon có rảnh khếp viên đỏ được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 1,5245 gam, loại Ketamine.

2. Túi niêm phong mã số NS4A 166880: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 túi nylon có rảnh khếp viên đỏ được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 1,4838 gam, loại Ketamine".

Tại Cáo trạng số 114/CT-VKSDH ngày 01/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố Võ Quốc B về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Võ Quốc B hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội bị cáo thực hiện đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố bị cáo Võ Quốc B về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội đúng pháp luật, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Võ Quốc B phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Võ Quốc B từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời gian tù tính từ ngày 25/02/2024.

Đối với thanh niên tên T4 (không xác định được nhân thân, lai lịch) có hành vi bán chất ma túy cho B, chỉ có chứng cứ duy nhất là lời khai của bị cáo nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Phạm Văn T3 là chủ hộ kinh doanh K2 không biết B có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với mục đích mua bán nên hành vi của T3 không cấu thành tội phạm có liên quan.

Đối với người tên B1 (không xác định được nhân thân, lai lịch) có hành vi mua chất ma túy của B, chỉ có chứng cứ duy nhất là lời khai của bị cáo B nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Hồ Văn L, Nguyễn Anh T1, Võ Chí T không biết việc B1 có hành vi mua chất ma túy của B và không biết B có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với mục đích mua bán nên hành vi của L, T1 và T không cấu thành tội phạm có liên quan. Đối với Nguyễn Thị Cẩm T2, Nguyễn Trần Phương L2, Trần Ngọc L1 và Nguyễn Hoàng Kim Minh C có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Cơ quan Cảnh sát điều tra đề nghị Cơ quan chức năng xử lý hành chính đối với T2, Phương L2, C và Ngọc L1 theo quy định pháp luật. Đồng thời, qua điều tra xác định T2, Phương L2, C và Ngọc L1 không biết việc B cất giấu chất ma túy với mục đích mua bán, nên hành vi của T2, Phương L2, C và Ngọc L1 không cấu thành tội phạm có liên quan.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Mẫu còn lại sau giám định có khối lượng: 1,1287 gam (túi niêm phong mã số NS4A 166812); 1,1679 gam (túi niêm phong mã số NS4A 166880) và vỏ đựng mẫu được đóng gói niêm phong số 119, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 7 màu hồng, sim số: 0339226205 bị cáo sử dụng để thực hiện tội phạm nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

(Vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa đang quản lý).

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Đ và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các chứng cứ đã thu thập là có căn cứ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra và việc vắng mặt những người này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

[2.1] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, bản kết luận giám định, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận khoảng 23 giờ 40 phút ngày 24/02/2024, tại Phòng V1 quán K thuộc ấp E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, Võ Quốc B có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy có tổng khối lượng 3,0083 gam, loại Ketamine với mục đích mua bán thì bị Công an tỉnh L phối hợp với Công an huyện Đ bắt quả tang cùng vật chứng. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Võ Quốc B phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[2.2] Hành vi trái pháp luật của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, bị cáo cũng thừa biết ma túy là chất độc hại, gây nghiện làm tổn hại nghiêm trọng đến sức khỏe, tinh thần và thể chất con người nên Nhà nước thống nhất quản lý và nghiêm cấm mua bán, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép chất ma túy nhưng bị cáo vẫn bất chấp, chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, xâm phạm đến sức khỏe và sự phát triển nòi giống của dân tộc, là tác nhân gây ra bệnh HIV. Hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, gây mất trật tự an toàn

xã hội tại địa phương. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, hậu quả của vụ án, nhân thân bị cáo cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[2.3] Tuy nhiên, cần xem xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, do đó cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[2.4] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự.

[3] Quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa sẽ được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

[4] Đối với thanh niên tên T4 (không xác định được nhân thân, lai lịch) có hành vi bán chất ma túy cho B, chỉ có chứng cứ duy nhất là lời khai của bị cáo nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Phạm Văn T3 là chủ hộ kinh doanh K2 không biết B có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với mục đích mua bán nên hành vi của T3 không cấu thành tội phạm có liên quan.

Đối với người tên B1 (không xác định được nhân thân, lai lịch) có hành vi mua chất ma túy của B, chỉ có chứng cứ duy nhất là lời khai của bị cáo B nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Hồ Văn L, Nguyễn Anh T1, Võ Chí T không biết việc B1 có hành vi mua chất ma túy của B và không biết B có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với mục đích mua bán nên hành vi của L, T1 và T không cấu thành tội phạm có liên quan. Đối với Nguyễn Thị Cẩm T2, Nguyễn Trần Phương L2, Trần Ngọc L1 và Nguyễn Hoàng Kim Minh C có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Cơ quan Cảnh sát điều tra đề nghị Cơ quan chức năng xử lý hành chính đối với T2, L1, C và L1 theo quy định pháp luật. Đồng thời, qua điều tra xác định T2, L1, C và L1 không biết việc B cất giấu chất ma túy với mục đích mua bán, nên hành vi của T2, L1, C và L1 không cấu thành tội phạm có liên quan.

[5] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Mẫu còn lại sau giám định có khối lượng: 1,1287 gam (túi niêm phong mã số NS4A 166812); 1,1679 gam (túi niêm phong mã số NS4A 166880 và vỏ đựng mẫu được đóng gói niêm phong số 119, cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 7 màu hồng, sim số: 0339226205 bị cáo sử dụng để thực hiện tội phạm nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

(Vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa đang quản lý).

[6] Về án phí: Bị cáo Võ Quốc B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Võ Quốc B phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Võ Quốc B 03 (ba) năm tù, thời gian tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 25/02/2024.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo Võ Quốc B trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày 09/9/2024 để đảm bảo thi hành án.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: Mẫu còn lại sau giám định có khối lượng: 1,1287 gam (túi niêm phong mã số NS4A 166812); 1,1679 gam (túi niêm phong mã số NS4A 166880) và vỏ đựng mẫu được đóng gói niêm phong số 119.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 7 màu hồng, sim số: 0339226205.

(Vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 118-01/08/2024 ngày 01/8/2024).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Võ Quốc B phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Đức Hòa;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Đức Hòa;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa;
- Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thắm